

# NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHÔNG CHUYÊN VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

Vũ Thị Nga\*, Trần Thị Minh Phương\*  
Email: vtnga@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/04/2024

Ngày phản biện đánh giá: 16/10/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/10/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.475

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu nhận thức của sinh viên không chuyên tiếng Anh về các yếu tố ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh thông qua sử dụng nghiên cứu định lượng thông qua bảng câu hỏi khảo sát. 300 sinh viên đang học năm nhất của các chuyên ngành khác nhau tại Đại học Kinh tế- kỹ thuật Công nghiệp (UNETI) đã được mời tham gia để hoàn thành cuộc khảo sát này. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba yếu tố tiềm năng có ảnh hưởng về chiến lược học tập của sinh viên không chuyên năm nhất tiếng Anh tại UNETI: động lực, niềm tin và năng lực học tiếng Anh. Qua thống kê, nhận thức của sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ bậc tiểu học tốt hơn từ bậc trung học. Tác giả khuyến nghị nhà trường nên hỗ trợ nhiều hơn về môi trường và tài liệu học tập cho việc học tiếng Anh ở UNETI, giảng viên giảng dạy tiếng Anh nên chú ý đến điều kiện thực tế, năng lực của từng cá nhân trong việc học tiếng Anh của sinh viên giúp các em cải thiện chiến lược học tập bằng tiếng Anh.

**Từ khóa:** Niềm tin về việc học tiếng, Năng lực tiếng Anh, tiếng Anh không chuyên ngành, động lực, chiến lược học tập.

## I. Giới thiệu

Tiếng Anh là một ngôn ngữ quan trọng trong quá trình Việt Nam hòa nhập quốc tế (Pham Cuong, 2016), và là một ngoại ngữ chính được dạy trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam, đặc biệt là ở cấp độ đại học. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng thực trạng của việc dạy và học môn tiếng Anh hiện nay trong hệ thống giáo dục là kém hiệu quả. Những nghiên cứu này cho thấy sinh viên chỉ có thể giao

tiếp tiếng Anh căn bản thường ngày một cách rất khó khăn (Nguyen Hoang Tuan & Tran Ngoc Mai, 2015). Dựa trên kinh nghiệm dạy tiếng Anh ở bậc đại học, tác giả nhận thấy nhiều sinh viên ở các ngành học không chuyên tiếng Anh thiếu động lực học tiếng Anh. Họ học chỉ để vượt qua được các kỳ kiểm tra.

Có nhiều giải thích khác nhau cho thực trạng yếu kém về kết quả học tiếng Anh và sự thiếu động lực học của sinh

\* Trường Đại học Kinh Tế-Kỹ Thuật Công Nghiệp

viên. Để giải quyết thực trạng này, một số nghiên cứu đã được tiến hành, bao gồm động lực, năng khiếu ngôn ngữ, niềm tin, lòng tự trọng, tính cách cá nhân, sở thích học tập và trí thông minh (Sun, 2014). Có lẽ có sự kết hợp của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh thay vì các yếu tố đơn lẻ như động lực hay chiến lược học tập.

Các khoa tiếng Anh tại các trường đại học, và các giảng viên (GV) đã và đang cố gắng giúp đỡ sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh nhưng chưa đạt được nhiều thành công hoặc rất hạn chế. Một lý do có thể là do một số hạn chế về kiến thức và hiểu biết sâu sắc về trình độ tiếng Anh của các giảng viên không chuyên ngành tiếng Anh ở bậc đại học tại Việt Nam.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Động cơ học tập

Động cơ có thể được định nghĩa là phương hướng hành vi của một người hoặc nguyên nhân khiến một người muốn lặp lại hành vi đó và ngược lại (Elliot & Covington, 2001). Trong tâm lý học truyền thống, người ta tin rằng động lực là sự phản ánh bên trong như bản năng, ý chí và sức mạnh tinh thần, hoặc do sự kích thích và củng cố gây ra, và thường được hiểu là trạng thái tĩnh của tâm trí.

Lý thuyết về quyền tự quyết của Deci và Ryan (1985) tập trung vào hai định hướng động lực: thứ nhất là sự hứng thú nội tại trong hoạt động học tập; thứ hai là phần thưởng ngoài hoạt động học tập. Họ chia động lực học tập thành ba loại, cụ thể là không có động lực, động lực bên ngoài và động lực bên trong. Động lực bên trong đề cập đến việc người học có mong

muốn học ngoại ngữ vì sự tò mò và hứng thú. Động lực bên ngoài là việc người học ngoại ngữ học ngoại ngữ để được khen ngợi. Ba loại động lực này có tính liên tục giống nhau và mức độ tự quyết là từ thấp đến cao. Không có động lực nào có mức độ tự quyết thấp nhất trong phạm vi liên tục này.

### 2.2. Chiến lược học tập

Chiến lược học ngôn ngữ thường được định nghĩa là công cụ mà người học có chú ý lựa chọn để cải thiện việc tự học EFL của mình (Shinozuka, Shibata, & Mizusawa, 2017). Có một số cách để phân loại các loại chiến lược học tập (Gan, Humphreys & Hamp-Lyon, 2004) chia chiến lược học ngôn ngữ thành ba loại chính: Chiến lược siêu nhận thức, bao gồm sự chú ý có chọn lọc, lập kế hoạch, tự đánh giá và tự giám sát; Chiến lược nhận thức liên quan đến các bước hoặc hoạt động trong quá trình phân tích trực tiếp tài liệu học tập. Và cuối cùng là Chiến lược xã hội và tình cảm, liên quan đến sự tương tác với người khác và kiểm soát cảm xúc bằng ý tưởng. Oxford (1990) chia chiến lược thành hai loại chính: trực tiếp và gián tiếp. Các chiến lược trực tiếp bao gồm các chiến lược nhận thức, trí nhớ và đền bù. Các chiến lược gián tiếp liên quan đến các chiến lược siêu nhận thức, xã hội và tình cảm.

### 2.3. Niềm tin về việc học tiếng Anh

Theo Lu (2013), niềm tin học tập của sinh viên đại học là một cấu trúc đa chiều, dựa trên sự khởi đầu của kiến thức, bao gồm niềm tin bản chất và niềm tin có động cơ của những niềm tin chủ quan trong toàn hệ thống. Wen (2001) chỉ ra rằng có rất nhiều yếu tố được đưa vào

phương pháp học tiếng Anh. Niềm tin học tập và chiến lược học tập được chứa đựng trong những yếu tố này. Bằng cách học tập cá nhân hoặc thông qua việc học hỏi từ người khác, người học hình thành niềm tin cụ thể của mình. Niềm tin duy trì trạng thái ổn định và ảnh hưởng đến việc học ngôn ngữ một cách sâu sắc và tinh tế.

### III. Phương pháp

Nghiên cứu được thực hiện bằng cách sử dụng thiết kế nghiên cứu định lượng qua bảng câu hỏi khảo sát. Mục đích của cuộc khảo sát này là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh của sinh viên năm nhất không chuyên ngành tiếng Anh tại UNETI, nhằm mục đích thiết lập mức độ mà các yếu tố này (Niềm tin về việc học tiếng Anh, chiến lược học tập, động lực) ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh của sinh viên.

Nghiên cứu này được thực hiện tại UNETI trực thuộc Bộ Công Thương. Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Trường là hơn 5000 sinh viên, với hơn 20 khoa đào tạo chuyên ngành: Ngoại ngữ, Kế toán - tài chính, Quản trị kinh doanh, Cơ khí, Điện - điện tử, Công nghệ thông tin, Dệt may, Du lịch....

Trong thời gian 4 năm học tại Trường, các sinh viên khối ngành kinh tế và kỹ thuật được học 4 học phần Anh văn căn bản và 1 học phần tiếng Anh chuyên ngành.

#### 3.1. Đối tượng tham gia

300 sinh viên năm thứ nhất được phát bảng hỏi nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngành, các sinh viên được

chọn ngẫu nhiên từ các khoa tại UNETI đã đăng ký cho năm học 2022/2023. Trong số 300 sinh viên tham gia nghiên cứu này có 163 nam, chiếm tỷ lệ 54,3%, 137 nữ.

#### 3.2. Công cụ

Một bảng câu hỏi gồm 60 mục do (Chou, 2007) viết đã được điều chỉnh cho nghiên cứu này và được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng nhằm khảo sát về số năm học tiếng Anh của sinh viên đến nhận thức về các yếu tố có ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh của họ.

#### 3.3. Phương pháp lấy dữ liệu và tích dữ liệu

Để thu thập dữ liệu, bảng hỏi được phát đến các sinh viên đang theo học tại lớp tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và kế toán trong khoảng thời gian 2 tuần. Sinh viên có 15 phút đầu giờ học để đọc và đưa ra lựa chọn phù hợp cho từng thông tin được hỏi.

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS (phần mềm thống kê phân tích dữ liệu) phiên bản 22.

### IV. Kết quả và thảo luận

Nhà nghiên cứu đã phân tích dữ liệu bằng SPSS bằng cách sử dụng phân tích mô tả, Tương quan Pearson, T-test và hồi quy bội. Trình độ tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành không học tiếng Anh được đo bằng kết quả của sinh viên có điểm TOEIC online từ 200-270 tại UNETI.

#### 4.1. Phân tích thống kê

Số liệu cho thấy kết quả TOEIC của nữ (137) và nam (163). Nhóm Cao có 27 nữ và 14 nam; 53 nữ và 67 nam ở nhóm Trung bình và 57 nữ và 82 nam ở nhóm Thấp (Bảng 1).

Bảng 1. Phân bố kết quả TOEIC theo giới tính

Giới tính	Số lượng	Cao	Trung bình	Thấp
Nữ	137	27	53	57
Nam	163	14	67	82
Tổng số	300	41	120	139

Ghi chú. N=Số người trả lời.

Theo thông tin lý lịch của người tham gia, sinh viên được phân thành hai nhóm theo số năm họ bắt đầu học tiếng Anh ở trường. Sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Tiểu học đã có hơn 6 năm kinh nghiệm học tiếng Anh. Sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ bậc THCS có dưới 6 năm kinh nghiệm học tiếng Anh.

Bảng 2 cho thấy 174 sinh viên (58,0%) bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Tiểu học và 126 sinh viên (42,0%) bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Trung học cơ sở.

Bảng 2. Số người trả lời học tiếng Anh ở trường

Trường học	Thường xuyên	Phần trăm
Tiểu học (>6 years)	174	58.0
Trung học cơ sở (≤6 years)	126	42.0
Tổng số	300	100.0

Các sinh viên được yêu trả lời câu hỏi về các lý do học tiếng Anh. Các mục trong Bảng 3 cho thấy có 5 lý do sau: (1) Họ quan tâm đến ngôn ngữ, (2) Họ bắt buộc phải tham gia khóa học, (3) Họ cần tiếng Anh cho sự nghiệp tương lai, (4) Họ cần Tiếng Anh để được nhận vào đại học và (5) Tiếng Anh không khó học. Phần lớn sinh viên được hỏi cho rằng họ học tiếng Anh vì nó không khó học (38,6,0%), tiếp theo là họ cần tiếng Anh cho nghề nghiệp tương lai (32,9%).

Khoảng 15% số sinh viên tin rằng họ quan tâm đến tiếng Anh. Khoảng 9% số sinh viên cho biết họ học tiếng Anh để được nhận vào đại học và 5% cho biết họ cần khóa học tiếng Anh để tốt nghiệp.

Bảng 3. Tàn suất và tỷ lệ lý do học tập Tiếng Anh

Quan điểm	Số người trả lời	Phần trăm
Tôi tin rằng tiếng Anh không khó học.	243	38.6%
Tôi cần nó cho sự nghiệp tương lai của tôi.	207	32.9%
Tôi quan tâm đến ngôn ngữ này.	94	14.9%
Tôi cần nó để được nhận vào trường đại học.	55	8.7%
Tôi bắt buộc phải tham gia khóa học này để tốt nghiệp.	31	4.9%
Tổng cộng	300	100%

Dựa trên những phát hiện này, sinh viên đánh giá động lực học tiếng Anh có tầm quan trọng cao nhất ( $M=3,83$ ,  $SD=0,737$ ). Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của Niềm tin về thang đo học ngôn ngữ là ( $M=3,79$ ,  $SD=0,688$ ). Giá trị trung

bình và độ lệch chuẩn của thang đo Chiến lược học tập là ( $M=3,66$ ,  $SD=0,784$ ).

Phân tích ở bảng 4 cho thấy động lực học ngôn ngữ là yếu tố quan trọng nhất góp phần nâng cao trình độ tiếng Anh của SV năm nhất chuyên ngành học tiếng Anh tại UNETI.

Bảng 4. Phân bố giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị t và giá trị p của sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ bậc tiểu học và sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ bậc trung học cơ sở theo bốn yếu tố

Các yếu tố	Số lượng sinh viên (N=300)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị T (kiểm định sự khác biệt)	Giá trị P (độ tin cậy)
Chiến lược học	Tiểu học (N=174)	3.83	7.676	4.34	.000***
	Trung học cơ sở (N=126)	3.44	7.554		
Động lực	Tiểu học (N=174)	3.92	3.583	2.46	.014*
	Trung học cơ sở (N=126)	3.71	3.754		
Niềm tin vào việc học tiếng Anh	Tiểu học (N=174)	3.84	3.636	1.47	.140*
	Trung học cơ sở (N=126)	3.71	3.771		

Lưu ý: \*  $p < 0.05$ , \*\*  $p < 0.01$ , \*\*\*  $p < 0.001$ .

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhận thức về các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tiếng Anh giữa sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ bậc Tiểu học và sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ bậc THCS.

Trong thang đo Chiến lược học tập, điểm trung bình của sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Tiểu học ( $M=3,83$ ,  $SD=7,676$ ) cao hơn có ý nghĩa thống kê so với những sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Trung học cơ sở ( $M=3,44$ ,  $SD=7,554$ ;  $t(298)=4,34$ ;  $p < 0,001$ ). Trong thang đo Động lực, điểm trung bình của sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp

Tiểu học ( $M=3,92$ ,  $SD=3,583$ ) cao hơn có ý nghĩa thống kê so với những sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Trung học cơ sở ( $M=3,71$ ,  $SD=3,753$ ;  $t(298)=2,46$ ;  $p < 0,05$ ). Tuy nhiên, không có sự khác biệt nhiều giữa sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Tiểu học ( $M=3,84$ ,  $SD=3,636$ ) và sinh viên bắt đầu học tiếng Anh từ cấp Trung học cơ sở ( $M=3,71$ ,  $SD=3,771$ ;  $t(298)=1,47$ ;  $p=0,14 > 0,05$ ) trong thang đo Niềm tin về việc học tiếng Anh.

Kết quả nghiên cứu này cho thấy, sinh viên học tiếng Anh càng sớm thì tác động đến trình độ tiếng Anh của sinh viên càng cao.

#### 4.2. Phân tích thống kê suy luận

Bảng 5: Hệ số quy đổi

Nội dung	Không chuẩn hóa Hệ số		Chuẩn hóa Hệ số	t	Xác suất	95% Khoảng cách B	Niềm tin	Cộng tác Số liệu thống kê	
	B	Tiêu chuẩn lỗi	Beta					Chặn dưới	Chặn trên
(Cố định)	-164.051	32.933		-4.981	.000	-228.864	-99.238		
Chiến lược	5.588	.802	.339	6.966	.000	4.009	7.167	.675	1.481
Động lực	9.432	2.033	.268	4.639	.000	5.430	13.433	.477	2.098
Niềm tin	5.124	1.881	.146	2.724	.007	1.422	8.825	.553	1.809

Dữ liệu cho thấy mô hình cuối cùng-3 bao gồm Động lực, Chiến lược học tập, Niềm tin đã có đóng góp đặc biệt cho các biến phụ thuộc về trình độ tiếng Anh.

Trong Bảng 5, mô hình hồi quy bội với cả ba yếu tố dự đoán ( $R$  bình phương=0,529,  $F(4, 295)= 82,99$ ,  $p<0,000$ ). Nghiên cứu cho thấy thang đo Chiến lược học tập ( $\beta=0,34$ ,  $t=6,966$ ,  $p<0,05$ ) có hệ số hồi quy đáng kể cho thấy sinh viên nhận thức rằng Chiến lược học tập có tác động đáng kể đến trình độ tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh. Sau đó, trọng số  $\beta$  của thang đo Động lực là 0,27 ( $t=4,639$ ,  $p<0,05$ ). Trọng số  $\beta$  của thang đo Niềm tin về việc học tiếng Anh là 0,15 ( $t=2,724$ ,  $p<0,05$ ).

Kết quả của nghiên cứu này cho thấy yếu tố dự báo quan trọng nhất về trình độ tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất không chuyên tiếng Anh tại UNETI là Chiến lược học tập.

## V. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy động lực học ngôn ngữ là yếu tố quan trọng nhất góp phần thành thạo tiếng Anh. Liên quan đến các yếu tố động lực, lãnh đạo UNETI và giảng viên tiếng Anh có thể tìm hiểu những cách khác nhau để thúc đẩy sinh viên năm nhất không chuyên tiếng Anh học tiếng Anh, đồng thời có thể tìm cách khuyến khích sinh viên xem lại bài học tiếng Anh và cách cải thiện các kỹ năng và trình độ tiếng Anh của họ. Điều này cần thiết để giải quyết một số vấn đề được tìm thấy ở sinh viên trong nghiên cứu này. Bằng cách cung cấp cho sinh viên nhiều bài tập về viết, nói, nghe và đọc bằng tiếng Anh, giảng viên tiếng Anh nên khuyến khích sinh viên tự quản lý việc học của

mình thông qua hướng dẫn sinh viên lựa chọn loại nhiệm vụ học tập, lập kế hoạch học tập cá nhân và tích cực tham gia vào các hoạt động khác nhau. Khi sinh viên bối rối trong học tập, giảng viên cho sinh viên một số lời khuyên về việc cần làm tiếp theo để sinh viên tự đưa ra quyết định.

Để khai thác hơn nữa động lực học tiếng Anh nội tại của sinh viên, được thực hiện bằng cách thực hành trong tình huống phản ánh thực tế việc sử dụng nó ở thế giới bên ngoài, giảng viên có thể kích thích và duy trì sự hứng thú học tiếng Anh của sinh viên, từ đó nâng cao động lực nội tại của các em.

Các giảng viên và lãnh đạo của UNETI cần nghiên cứu các chiến lược học tập mới, sáng tạo giúp sinh viên học tiếng Anh hiệu quả. Người học cũng cần nắm vững một số chiến lược học tập giúp nâng cao hiệu quả để có kết quả học tập hoàn hảo. Ban đầu, sinh viên không học chuyên ngành tiếng Anh năm nhất phải hiểu rõ về trạng thái học tập của mình: các chiến lược họ thường sử dụng là gì và các chiến lược học tập của họ ảnh hưởng đến việc học như thế nào. Sau đó, họ nên tuân theo hướng dẫn hoặc đào tạo chiến lược của giảng viên và thay đổi các chiến lược học tập trước đó. Giảng viên tiếng Anh nên giới thiệu nhiều chiến lược học tập khác nhau để giúp sinh viên cải thiện kỹ năng viết, nói, nghe và đọc. Họ cần tích cực tham gia cuộc thi tiếng Anh tại UNETI. Trong quá trình này, họ nên phát triển nhận thức để sử dụng những chiến lược mới nhiều nhất có thể. Chỉ bằng cách thực hành, họ mới có thể nắm vững các chiến lược. Giảng viên tiếng Anh cũng nên xem xét lý do tại sao các chiến lược học tập lại cần thiết đối với nhiều sinh viên không

chuyên ngành tiếng Anh tại UNETI. Họ cũng nên cố gắng thiết lập các chiến lược học tập khác chưa được thảo luận trong nghiên cứu này để có thể áp dụng. Ngoài ra, trong các giờ học cũng nên được dành thời gian cho các hoạt động với mục đích cụ thể là mang lại cho sinh viên cơ hội nói, nghe hoặc đọc tiếng Anh trong bối cảnh thực tế. Tài liệu có thể được sử dụng trong các hoạt động như vậy bao gồm phim, bài nói chuyện được ghi âm, câu chuyện, bài hát, báo, truyện tranh, tạp chí nổi tiếng về bóng đá, ngôi sao nhạc pop hoặc tạp chí. Tuy nhiên, cần phải chỉ ra rằng trọng tâm của tất cả các hoạt động trong những giờ này sẽ mang tính giải trí nhiều hơn là nhằm mục đích đánh giá hoặc kiểm tra.

Về thời gian học tiếng Anh, kết quả của nghiên cứu này cho thấy sinh viên năm nhất không chuyên tiếng Anh cảm thấy việc học tiếng Anh từ bậc Tiểu học có ảnh hưởng đáng kể đến trình độ tiếng Anh của các em. Trong trường hợp này, sinh viên nên bắt đầu học tiếng Anh sớm. Do đó, trách nhiệm của chính phủ và Bộ Giáo dục là cung cấp hỗ trợ kinh tế và ban hành các chính sách để phát triển việc học tiếng Anh tiểu học. Cần nỗ lực hơn nữa để cải thiện môi trường học tiếng Anh tiểu học và xây dựng thêm nhiều trường đào tạo tiếng Anh tiểu học.

Trong nghiên cứu này, Động lực học tiếng Anh là yếu tố đóng góp chính vào trình độ tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh, tuy nhiên có mối quan hệ khá chặt chẽ giữa ba yếu tố là Động lực, Niềm tin về việc học tiếng Anh và Nhận thức và trình độ tiếng Anh.

Cuối cùng, nhiều nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh

của sinh viên đã được nghiên cứu trong nhiều năm (Sun, 2014; Yun, 2014). Các nghiên cứu trong tương lai nên khám phá các yếu tố như năng khiếu ngôn ngữ, sự lo lắng, lòng tự trọng, năng lực bản thân, thái độ và những yếu tố này cũng có liên quan đến trình độ tiếng Anh của sinh viên.

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Elliot, A. J., & Covington, M. (2001) Approach and avoidance motivation. *Educational Psychology Review*, 13, 2-19. <https://doi.org/10.1023/A:1009057102306>.
- [2]. Gan, Z., Humphreys, G., & Hamp-Lyons, L. (2004). Understanding successful and unsuccessful EFL students in Chinese universities. *The Modern Language Journal*, 88(2), 229-244. <https://doi.org/10.1111/j.0026-7902.2004.00227>.
- [3]. Liu, J., & Dai, Z. (2011). The Impact of the Advent of English in Primary Schools on the Development of College English in China. *Higher Education Studies*, 1(1), 105-108. <https://doi.org/10.5539/hes.v1n1p105>.
- [4]. Luo, J. P. (2013). An action research on improvement of reading comprehension of CET4. *English Language Teaching*, 6(4), 89-96. <https://doi.org/10.5539/elt.v6n4p89>.
- [5]. Nguyen Hoang Tuan & Tran Ngoc Mai (2015). Factors affecting students' speaking performance at Le Thanh Hien High School. *Asian Journal of Educational Research*, 3(2), 8-23.
- [6]. Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies*. Boston, MA: Heinle & Heinle publishers.
- [7]. Pham Cuong (2016). *Identifying sociocultural influences on high school students' motivation to learn English in rural areas in Vietnam*. *New Zealand Studies in Applied Linguistics*, 22(1), 5-20.

- [8]. Ping, W. (2013). Assessing the impact of 240-credit-hour program for urban primary school teachers of English in China. *English Language Teaching*, 6(5), 97-104. <https://doi.org/10.5539/elt.v6n5p97>.
- [9]. Shinozuka, K., Shibata, S., & Mizusawa, Y. (2017). Effectiveness of Read-aloud Instruction on Motivation and Learning Strategy among Japanese College EFL Students. *English Language Teaching*, 10(4), 1. <https://doi.org/10.5539/elt.v10n4p1>.
- [10]. Shoebottom. (2011). The difference between English and Chinese. Retrieved on 18th November 2016 from <http://esl.fis.edu/grammar/langdiff/chinese.htm>.
- [11]. Wang, K. (2017). Status Quo and Prospective of WeChat in Improving Chinese English Learners' Pronunciation. *English Language Teaching*, 10(4), 140-149. <https://doi.org/10.5539/elt.v10n4p140>.
- [12]. Wei, G. (2016). *An Empirical study on the correlation between college EFL learner's Beliefs and English achievement*. <https://doi.org/10.3969/j.issn.2096-2266.2016.09.020>.
- [13]. Wen, Q. (2001). (Developmental patterns in motivation, beliefs, and strategies of English learners in China). *Foreign Language Teaching and Research*, 2001(2), 105-110.

## FIRST-YEAR NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERCEPTIONS OF FACTORS AFFECTING ENGLISH PROFICIENCY

*Vu Thi Nga<sup>†</sup>, Tran Thi Minh Phuong<sup>†</sup>*

**Abstract:** *This study aims to explore the perceptions of non-English major students regarding factors affecting their English proficiency through quantitative research using a survey questionnaire. A total of 300 first-year students from various majors at the University of Economics - Technology for Industries (UNETI) were invited to participate in the survey. The collected data was processed using SPSS software. The results indicate three potential factors influencing the learning strategies of first-year non-English major students at UNETI: motivation, beliefs, and English learning competence. Statistical analysis shows that students who started learning English at the primary level have better perceptions than those who began at the secondary level. The author recommends that the university provide greater support in terms of learning environments and materials for English study at UNETI. English lecturers are advised to consider students' individual conditions and abilities to help them improve their English learning strategies.*

**Keywords:** *Learning beliefs, English proficiency, non-English major, motivation, learning strategies.*

---

<sup>†</sup> University of Economics Technology for Industries